

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 07/4/2020  
V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Huệ*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến
2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng;

**- Thư ký phiên toà:** Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST–HNGĐ ngày 07/01/2020 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1976

ĐKTT: 160/6, đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

\* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Như Q, sinh năm 1968

ĐKTT: 160/6 đường 30/4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Căn số 17, đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

*(Bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà X trình bày:*

Năm 1993, bà và ông Q tự nguyện tìm hiểu và tiến tới chung sống nhưng đến ngày 09/3/2001 mới đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ). Quá trình chung sống có thời gian đầu hạnh phúc, nhưng khoảng 05 năm nay giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông Q thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này, nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Thị Như H (nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Như L (nam), sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Phía bị đơn – Ông Nguyễn Như Q:* Đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Q theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại phiên toà :*

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn - ông Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, có ký nhận đầy đủ các văn bản tổng đạt của Tòa án, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Q là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà X và ông Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất hòa trong tình cảm, quan điểm sống, nguyên nhân do ông Q thường hay nhậu nhẹt, không có sự chăm lo cho gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Trước đây bà X từng nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn để tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà tiếp tục có yêu cầu xin ly hôn, phía ông Q dù được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà X. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà X xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Bà X xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà X phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Lê Thị Kim X** đối với ông **Nguyễn Như Q.**

2/ *Về con chung*: Đã trưởng thành, nên đặt ra xem xét.

3/ *Tài sản chung*: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

4/ *Nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

5/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà X phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí Bà X đã nộp theo biên lai thu số 002109 ngày 12/12/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### Nơi nhận:

- Dương sự;
  - VKSND quận NK;
  - VKSND TPCT;
  - TAND TPCT;
  - THA;
  - UBND xã Trường Long
- huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (cũ);

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**ĐẶNG THỊ HUỆ**